

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên lao dốc mạnh sau thông tin có ca lây nhiễm Covid-19 trong cộng đồng đầu tiên ở Việt Nam kể từ 16/4

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến tiêu cực hơn so với chỉ số VN30 Index khi nhà đầu tư đẩy mạnh vị thế SHORT

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

HPG

[Cập nhật công ty]

ACB

[Quan điểm đầu tư]

Tận dụng nhịp phục hồi để tạm đóng các vị thế ngắn hạn có sẵn trong tài khoản

24/07/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	829.16	-3.22
VN30	772.29	-3.50
HĐTL VN30F1M	765.00	-4.03
HNXIndex	109.33	-3.99
HNX30	203.49	-4.92
UPCoM	55.78	-2.69
USD/VND	23,180	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.86	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.20	+10
Dầu (WTI, \$)	41.32	+0.61
Vàng (LME, \$)	1,894.72	+0.39

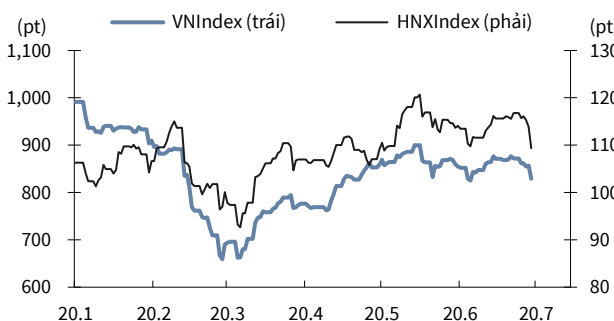


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	829.16 (-3.22%)
KLGD (triệu CP)	436.8 (+103.2%)
GTGD (triệu US\$)	325.3 (+95.1%)
HNXIndex	109.33 (-3.99%)
KLGD (triệu CP)	68.9 (+74.8%)
GTGD (triệu US\$)	27.4 (+79.3%)
UPCoM	55.78 (-2.69%)
KLGD (triệu CP)	39.4 (+197.7%)
GTGD (triệu US\$)	16.0 (+124.7%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	+11.8

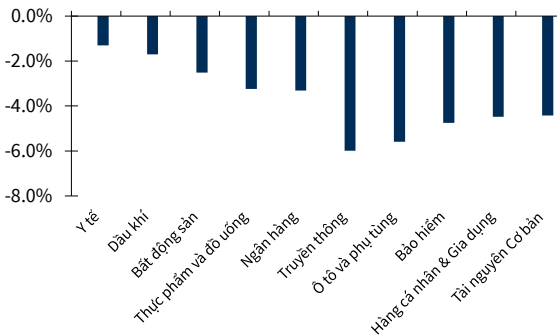
TTCK Việt Nam có phiên lao dốc mạnh ngày hôm nay sau thông tin có bệnh nhân nhiễm Covid-19 tại Đà Nẵng, là ca lây nhiễm cộng đồng đầu tiên ở Việt Nam kể từ 16/4. Toàn bộ 30 cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30 Index cùng giảm điểm. Không có cổ phiếu ngành ngân hàng nào tăng giá trước thông tin trên, các mã giảm sâu có thể kể đến như SHB (-7.4%), VPB (-5.8%). Tương tự, nhóm cổ phiếu hàng tiêu dùng giảm mạnh ở PNJ (-5.1%), MWG (-4.6%). Khả năng đường bay nội địa đến Đà Nẵng có thể phải ngừng hoạt động khiến bộ đôi cổ phiếu hàng không cùng điều chỉnh với HVN (-5.6%), VJC (-3.8%). Cổ phiếu khu công nghiệp giao dịch tích cực hơn so với thị trường chung với SNZ (+0.8%), LHG (+2.5%) sau tổ công tác đặc biệt về thu hút FDI công bố những kế hoạch cụ thể nhằm thúc đẩy đầu tư FDI vào Việt Nam. Đáng chú ý, nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng đầu tiên, sau khi bán ròng liên tiếp 12 phiên trước đó, tập trung ở FUSSVFL (-2.1%), VRE (-1.2%), NLG (+1%).

VNIndex & HNXIndex



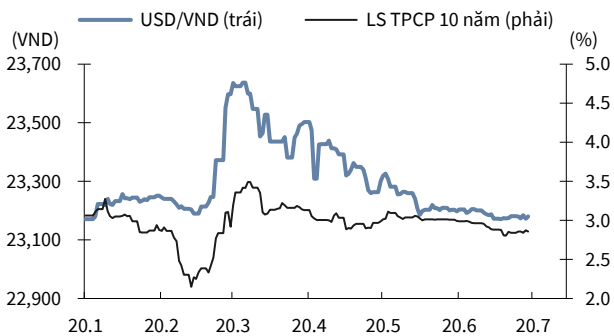
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



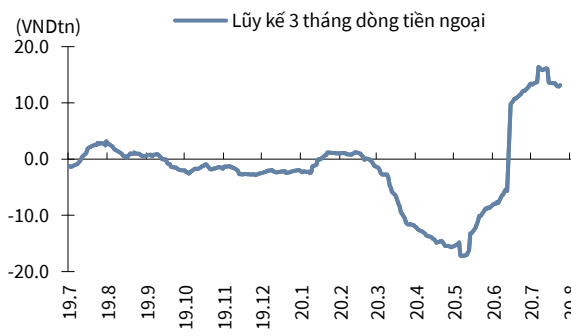
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



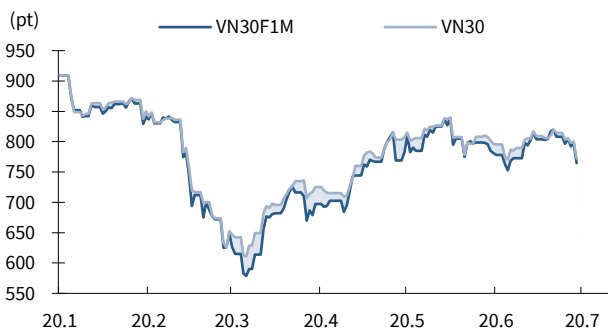
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	772.29 (-3.50%)
VN30F1M	765.0 (-4.03%)
Mở cửa	792.6
Cao nhất	793.3
Thấp nhất	759.0
KLGD (HĐ)	236,085 (+34.0%)

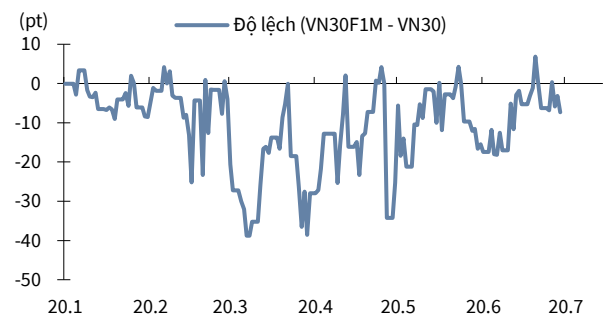
Các HĐTL diễn biến tiêu cực hơn so với chỉ số VN30 Index khi nhà đầu tư đẩy mạnh vị thế SHORT trong bối cảnh Việt Nam ghi nhận ca Covid-19 mới trong cộng đồng. Chênh lệch của F2008 và VN30 mở cửa ở mức -7.59 và giao động quanh -4.9 và -9.6 trước khi sụt giảm mạnh xuống mức cuối phiên sáng ở -13.99 khi xuất hiện thông tin ca bệnh Covid. Đầu phiên chiều, chênh lệch đảo sang dương ở 3.38 khi thị trường cơ sở lao dốc sau khi Bộ Y tế chính thức xác nhận bệnh nhân dương tính Covid-19 sau 3 lần xét nghiệm, trước khi quay lại giảm điểm và đóng cửa ở mức -7.29 khi vị thế SHORT tiếp tục gia tăng vào cuối phiên do tâm lý lo ngại của NĐT. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường phiên hôm nay có sự đột biến tăng mạnh khi thị trường biến động lớn.

HĐTL VN30F1M & VN30



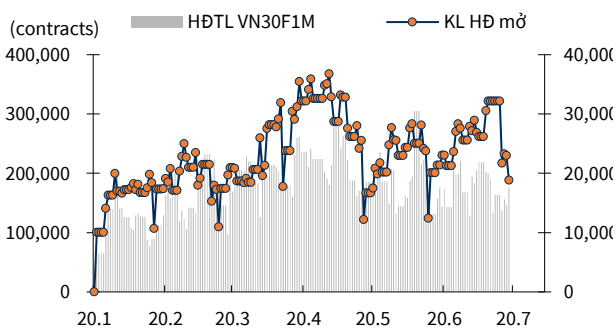
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



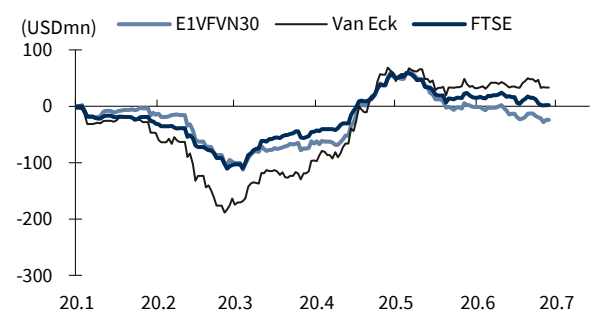
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

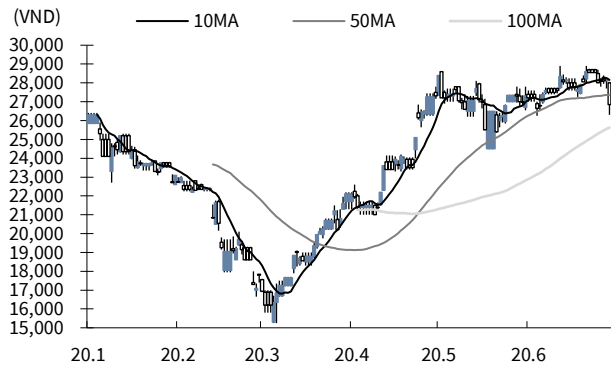
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm -4.8% xuống 26,850 VND/cp.
- HPG công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý II với lợi nhuận sau thuế 2,743 tỷ (+33.4% YoY) và doanh thu 20,422 tỷ (+35.3% YoY). Trong đó, doanh thu từ 2 mảng kinh doanh chính đều ghi nhận tăng trưởng mạnh với sản xuất và kinh doanh thép đạt 17,353 tỷ đồng (+49,5% YoY), và nông nghiệp đạt 2,263 tỷ đồng (+25,5% YoY).
- Lũy kế 6 tháng, lợi nhuận và doanh thu HPG đạt 5,028 tỷ (+31.1% YoY) và 39,655 tỷ (+30% YoY), lần lượt thực hiện 55.6% và 45.3% kế hoạch năm.

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Thắt chặt chi phí hoạt động & đẩy mạnh chi phí tín dụng

Lợi nhuận trước thuế Quý 2 giảm 1% YoY khi tăng trưởng tín dụng có phần chậm lại

- Lợi nhuận trước thuế Quý 2 ghi nhận 1,895 tỷ đồng (-1% YoY) làm cho lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm chạm mức 50% kế hoạch lợi nhuận đề ra cho năm 2020. So với đầu năm, tín dụng đến hết Quý 2 chỉ tăng 3.3% so với mức 5.6% cùng kỳ năm ngoái, và tăng 2.2% so với Quý 1. Tổng tín dụng tăng 12.4% YoY so với mức 15.5% YoY của Quý 1, tương đồng với xu hướng chậm lại của tăng trưởng cho vay của khách hàng, ở mức 13.2% YoY so với mức 15.8% YoY ở Quý 1. Kèm theo đó, chi phí tín dụng cũng tăng mạnh, đạt 440 tỷ đồng (gấp 4.7 lần so với Quý 1 và 3.9 lần so với cùng kỳ) kéo lợi nhuận trước thuế đi ngang trước nỗ lực cắt giảm chi phí hoạt động của ngân hàng.
- Tiền gửi khách hàng đạt 330,551 tỷ đồng (+6% YoY, +13% YoY) vẫn đóng vai trò chính trong hoạt động huy động vốn của ngân hàng. Tỷ lệ huy động trên tiền gửi thuần (LDR thuần) vẫn được duy trì, ở 85.8%. Tỷ lệ CASA được cải thiện trong Quý 2, đạt 17.5% so với mức 15.9% trong Quý 1 và 16.6% cùng kỳ năm ngoái.

Duy trì chất lượng tài sản trong điều kiện tín dụng khó khăn

- Tính đến Quý 2, tỷ lệ nợ xấu (NPL) đã tăng nhẹ lên 0.68% so với mức 0.66% của Quý trước và cùng kỳ năm ngoái, bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý (nợ nhóm 2 đến nhóm 5) tăng lên 1.03% từ 0.98% của Quý 1 và 0.90% cùng kỳ. Trái ngược với xu hướng của Quý 1, chi phí tín dụng đã tăng cùng chiều với tốc độ hình thành nợ xấu khi chi phí này trong Quý 2 chiếm tới 0.15% tổng dư nợ so với mức 0.03% ở Quý 1. Từ đó tỷ lệ bao phủ nợ xấu được đẩy lên 283% so với mức 175% ở cuối năm 2019 và tỷ lệ bao phủ cho nợ xấu và nợ cần chú ý cũng tăng lên 188% từ mức 122% ở cuối năm 2019.

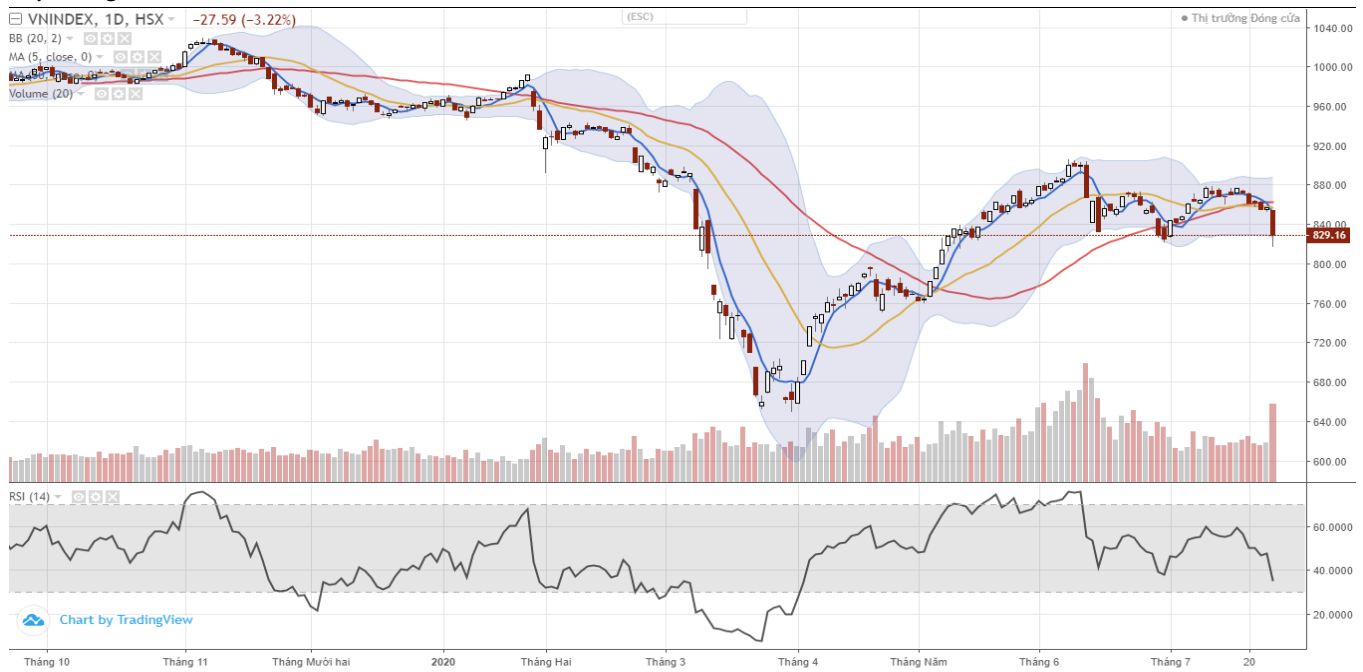
Cắt giảm chi phí quản lý triệt để để bù đắp cho chi phí tín dụng tăng mạnh

- Thu nhập lãi thuần đạt 3,112 tỷ đồng (-9% QoQ) và thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng nhẹ đạt 471 tỷ đồng (+18% YoY, +15% QoQ). Lãi từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh đạt 71 tỷ đồng, xấp xỉ tổng thu từ khoản mục này trong năm 2019. Chi phí hoạt động được cắt giảm triệt để, đẩy tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) xuống mức 43.1% so với 48.7% trong cùng kỳ năm ngoái và 53.9% trong Quý 1 chủ yếu đến từ cắt giảm chi phí nhân viên (*cắt giảm chi phí khác cao đột biến ở Quý 1*). Trong khi đó chi phí tín dụng tăng mạnh, lên đến 440 tỷ đồng (gấp 4.7 lần so với Quý 1 và 3.9 lần so với cùng kỳ) chiếm đến 11% tổng thu nhập hoạt động.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

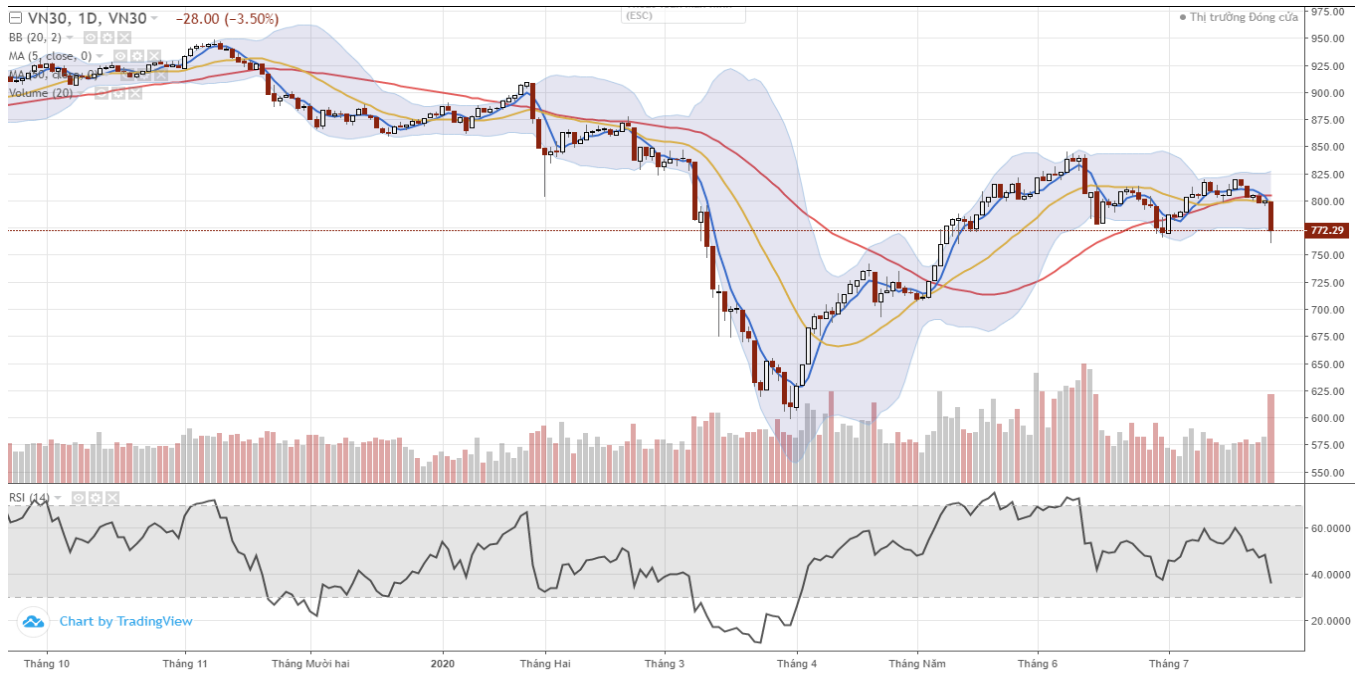
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua phiên lao dốc mạnh và xuyên thủng vùng hỗ trợ 849-855, đánh mất xu hướng tăng ngắn hạn.
- Chỉ số đang nhận được sự hỗ trợ ở điểm đỡ gần quanh 815, giúp xuất hiện nhịp phục hồi nhẹ. Tuy nhiên, do nhịp giảm mạnh và dốc nên khả năng tạo đáy thành công chưa cao, nhất là ngay khi vừa mới đánh mất xu hướng tăng ngắn hạn. VNIndex được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng giảm, xuống đến vùng hỗ trợ kế tiếp tại quanh 795 (+-3) trong tuần sau.
- NĐT được khuyến nghị tận dụng nhịp phục hồi để tạm đóng các vị thế ngắn hạn có sẵn trong tài khoản.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 cũng ghi nhận nhịp lao dốc mạnh trong phiên hôm nay, đánh mất xu hướng tăng ngắn hạn.
- Chỉ số đang nhận được sự hỗ trợ ở điểm đỡ gần quanh 760, giúp xuất hiện nhịp phục hồi nhẹ. Tuy nhiên, do nhịp giảm mạnh và dốc nên khả năng tạo đáy thành công chưa cao, nhất là ngay khi vừa mới đánh mất xu hướng tăng ngắn hạn. VN30 được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng giảm, xuống đến vùng hỗ trợ kế tiếp tại quanh 740 (+-3) trong tuần sau.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT tại những vùng kháng cự trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

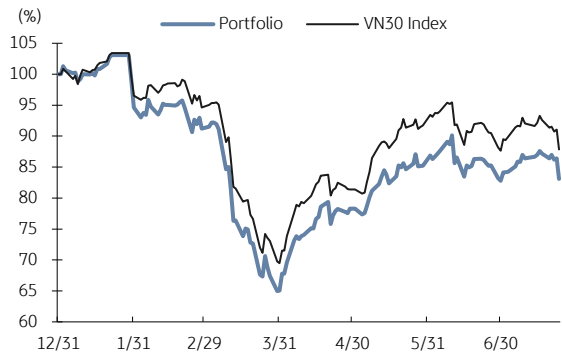
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.50%	-3.86%
Tăng lũy kế (YTD)	-12.15%	-16.93%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 24/07/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	79,200	-4.6%	-31.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,700	1.0%	-4.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	56,000	-5.1%	-26.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,500	-3.2%	-16.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	32,500	-3.3%	-4.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	45,900	-3.9%	37.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	22,250	-4.7%	-8.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	103,800	-3.8%	-19.7%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	26,850	-4.8%	14.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,500	-6.3%	-1.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	-1.2%	30.8%	66.4
NLG	1.0%	47.8%	54.1
VHM	-3.6%	20.2%	47.6
VCB	-1.8%	23.7%	45.2
FUESSVFL	-2.1%	97.5%	23.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-2.7%	58.8%	-39.3
DXG	-7.0%	40.4%	-35.9
GAS	-3.9%	3.3%	-31.5
BID	-4.1%	17.7%	-9.3
FUESSV50	-2.2%	73.4%	-6.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DHT	0.4%	3.3%	1.2
SHS	-9.6%	5.8%	0.9
AMV	-7.7%	3.6%	0.8
BVS	-5.0%	24.9%	0.5
SHB	-7.4%	6.8%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVB	-8.9%	0.3%	-0.8
NTP	-5.7%	18.9%	-0.3
VCG	-2.3%	0.4%	-0.2
SD5	0.0%	8.8%	-0.2
DXP	-2.9%	38.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-2.2%	DHG, SPM
Bất động sản	-3.5%	VRE, NVL
Công nghệ thông tin	-4.0%	SAM, SGT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.5%	PGD, DRL
Dầu khí	-4.7%	PVD, PLX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-14.1%	YEG, PNC
Hóa chất	-12.3%	DGC, GVR
Bảo hiểm	-8.9%	BVH, BIC
Dịch vụ tài chính	-7.8%	SSI, HCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	-6.8%	PNJ, TLG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.4%	GEX, LGC
Y tế	-0.7%	DHG, OPC
Thực phẩm và đồ uống	-0.8%	SAB, DAT
Dầu khí	-1.3%	PVD, PLX
Xây dựng và Vật Liệu	-1.3%	VGC, CTD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-11.2%	DGC, GVR
Bảo hiểm	-7.9%	BVH, BIC
Truyền thông	-7.3%	YEG, PNC
Bán lẻ	-5.7%	MWG, PSH
Du lịch và Giải trí	-5.2%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	88,000	297,654 (12,841)	25,692 (1.1)	22.8	47.5	30.4	19.0	7.4	8.9	3.3	3.0	-2.2	-3.8	-7.1	-23.5
	VHM	VINHOMES JSC	76,000	250,003 (10,785)	120,749 (5.2)	28.9	9.4	8.4	34.3	38.5	29.4	3.0	2.3	-3.6	-5.6	0.4	-10.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,950	63,511 (2,740)	58,790 (2.5)	18.3	24.1	18.4	4.6	9.4	11.9	2.2	2.1	-1.2	4.1	4.1	-17.8
	NVL	NO VA LAND INVES	62,900	60,984 (2,631)	57,580 (2.5)	32.1	18.6	20.0	-2.0	13.4	12.2	2.4	2.1	-0.2	1.6	7.9	5.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,400	12,800 (552)	13,681 (0.6)	5.0	12.4	10.0	12.6	14.1	15.3	1.6	1.5	-1.6	-2.6	1.7	-9.3
	DXG	DAT XANH GROUP	9,440	4,897 (211)	41,266 (1.8)	8.6	4.8	4.2	-14.2	12.3	14.3	0.6	0.6	-7.0	-	-	15.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	81,000	300,419 (12,960)	62,790 (2.7)	6.3	18.0	14.8	12.2	19.9	19.7	3.1	2.6	-1.8	-2.2	-4.4	-10.2
	BID	BANK FOR INVESTM	38,200	153,641 (6,628)	35,793 (1.5)	12.3	33.3	18.7	-11.3	9.1	12.3	2.0	1.8	-4.1	-8.2	-5.2	-17.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	19,500	68,253 (2,944)	26,684 (1.2)	0.0	6.7	5.7	3.8	15.8	15.5	1.0	0.8	-3.9	-5.3	-4.9	-17.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	22,250	82,846 (3,574)	89,927 (3.9)	0.0	12.4	9.2	16.4	10.1	12.0	1.0	1.0	-4.7	-7.7	-2.4	6.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	21,200	51,680 (2,230)	60,260 (2.6)	0.0	6.7	5.5	0.4	16.5	16.7	1.0	0.9	-5.8	-8.0	-4.9	6.0
	MBB	MILITARY COMMERC	16,500	39,789 (1,717)	56,601 (2.4)	0.0	5.5	4.5	7.8	18.4	18.2	0.9	0.7	-3.2	-5.7	-6.0	-20.7
	HDB	HDBANK	25,300	24,438 (1,054)	23,431 (1.0)	9.5	6.4	5.1	16.8	20.4	21.9	1.1	0.9	-4.9	-6.1	-3.6	-8.2
	STB	SACOMBANK	10,900	19,660 (848)	104,733 (4.5)	14.8	10.9	7.0	10.6	8.3	10.0	-	-	-3.1	-6.0	-2.7	8.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,700	16,903 (729)	1,573 (0.1)	0.0	5.9	4.9	34.4	22.4	18.4	1.0	0.9	-3.3	-5.9	-2.6	-1.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,800	20,654 (891)	2,221 (0.1)	0.0	36.1	34.6	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	-2.9	-3.7	-6.7	-5.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	43,600	32,365 (1,396)	23,063 (1.0)	20.8	31.2	23.5	-5.4	6.2	8.0	1.7	1.6	-5.0	-9.8	-9.2	-36.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,950	1,914 (083)	2,402 (0.1)	13.8	-	-	-	7.6	8.6	0.8	0.8	-3.0	-2.8	-2.8	-15.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	14,300	8,593 (371)	81,613 (3.5)	50.8	10.1	7.9	-17.7	8.2	10.7	0.8	0.8	-4.0	-	-9.2	-8.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,500	3,532 (152)	16,161 (0.7)	72.4	7.7	6.0	-24.9	11.1	13.0	0.8	0.7	-4.4	-7.1	-6.5	-27.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	17,250	5,263 (227)	34,209 (1.5)	48.1	11.8	7.3	-22.5	11.0	17.1	1.2	1.1	-6.0	-	-	-19.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,000	2,502 (108)	5,516 (0.2)	13.3	10.8	6.8	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	-4.4	-9.4	-	-16.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	111,100	193,467 (8,346)	108,681 (4.7)	41.2	19.1	17.9	5.4	37.7	38.5	6.5	5.8	-2.7	-4.9	-5.1	-4.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	181,100	116,136 (5,010)	29,382 (1.3)	36.7	28.6	23.7	1.2	21.5	23.8	5.6	5.0	-3.6	-5.7	13.2	-20.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	52,000	60,785 (2,622)	57,185 (2.5)	10.2	53.8	25.6	-50.7	3.0	7.2	1.4	1.3	-3.5	-7.5	-9.1	-8.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,500	13,857 (598)	8,307 (0.4)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-3.8	-	-	-10.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	103,800	54,374 (2,346)	32,488 (1.4)	12.0	190.1	12.8	-76.5	9.6	24.2	3.4	3.6	-3.8	-4.8	-4.3	-29.0
	GMD	GEMADEPT CORP	18,600	5,523 (238)	3,483 (0.2)	0.0	14.4	12.8	-54.2	6.9	7.7	0.9	0.9	-4.4	-5.1	-7.0	-20.2
	CII	HO CHI MINH CITY	18,000	4,299 (185)	24,333 (1.0)	32.9	12.6	13.4	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	1.1	0.0	-4.8	-20.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,420	1,374 (059)	30,068 (1.3)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-	-	-86.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,800	9,305 (401)	60,111 (2.6)	33.6	12.8	10.0	-16.2	11.7	13.9	-	-	-2.0	-8.1	16.8	2.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,600	5,615 (242)	67,648 (2.9)	3.1	10.0	9.9	-39.4	6.6	6.8	0.7	0.6	-7.0	-	2.2	43.5
	REE	REE	32,500	10,077 (435)	10,703 (0.5)	0.0	6.6	5.9	-10.3	12.9	14.0	0.9	0.8	-3.3	-0.5	3.7	-10.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	68,300	130,723 (5,639)	37,217 (1.6)	45.7	17.9	13.7	-20.1	15.2	19.5	2.7	2.5	-3.9	-5.0	-5.9	-27.1	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,000	6,045 (261)	7,024 (0.3)	30.7	8.6	8.3	-2.4	16.7	17.9	1.4	1.4	-3.2	-	10.4	-2.6	-3.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,950	7,679 (331)	2,847 (0.1)	32.6	8.0	8.7	-7.7	16.3	14.7	1.2	1.2	-1.8	-3.6	-3.0	-11.0	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	26,850	74,135 (3,198)	340,606 (14.7)	13.0	8.3	6.7	1.9	18.2	19.6	1.3	1.2	-4.8	-6.0	-0.6	14.3	
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,250	5,577 (241)	33,092 (1.4)	38.2	9.3	9.6	-0.7	8.8	8.1	0.7	0.7	-4.0	-2.4	-5.0	10.0	
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,400	4,447 (192)	16,220 (0.7)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	-4.4	-6.4	-9.0	29.2	
	HSG	HOA SEN GROUP	10,450	4,643 (200)	115,477 (5.0)	38.0	6.2	6.3	38.6	13.2	11.4	0.7	0.6	-5.0	-9.5	-	10.7	40.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,850	2,503 (108)	19,982 (0.9)	96.9	6.2	7.0	37.9	13.4	10.4	0.6	0.6	-5.2	-7.8	-9.2	-6.7	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	45,400	54,744 (2,362)	43,467 (1.9)	5.4	38.4	15.9	-35.7	7.1	15.3	2.3	1.9	-1.3	-4.4	-1.1	-18.9	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,700	4,085 (176)	28,024 (1.2)	37.2	37.2	18.4	-14.7	1.0	0.9	0.3	0.3	-6.7	-7.6	-8.9	-35.5	
	PVT	PETROVIET TRANSP	9,600	2,702 (117)	11,076 (0.5)	26.6	6.4	5.4	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	-6.8	-9.0	-	11.9	-42.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	79,200	35,863 (1,547)	48,063 (2.1)	0.0	9.3	7.4	13.0	29.8	29.2	2.3	1.8	-4.6	-5.7	-6.8	-30.5	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	56,000	12,607 (544)	22,742 (1.0)	0.0	14.1	11.5	-1.9	21.5	24.2	2.4	2.2	-5.1	-7.3	-7.3	-34.9	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,600	1,463 (063)	1,009 (0.0)	69.3	20.8	15.2	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.3	-6.4	-	14.9	-8.1	34.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,000	1,817 (078)	16,199 (0.7)	14.0	11.4	10.5	-31.7	11.8	12.1	1.3	1.1	-6.9	-	10.5	-4.6	9.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	52,700	7,141 (308)	59,312 (2.6)	38.8	6.9	7.3	27.8	36.8	29.8	2.4	2.1	-3.3	-1.9	4.2	38.0	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	93,400	12,212 (527)	936 (0.0)	45.4	18.9	17.6	4.6	19.5	19.4	3.4	3.2	0.6	0.4	2.0	2.1	
	PME	PYMEPHARCO JSC	61,000	4,576 (197)	549 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-3.0	-3.9	12.3	
IT	FPT	FPT CORP	45,900	35,981 (1,552)	65,009 (2.8)	0.0	10.3	8.7	19.5	24.3	25.9	2.3	2.1	-3.9	-4.6	-2.8	-9.5	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.